

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
1	100044	UÔNG VIỆT ANH	24/12/2004	Nam	1	39	
2	100112	LÝ QUỐC MINH DUY	01/03/2004	Nam	1	38.75	
3	100168	ĐỖ THỊ MỸ HƯỜNG	20/01/2004	Nữ	1	40	
4	100241	LÂM VĨ KIẾT	18/11/2004	Nam	1	38	
5	100247	NGUYỄN BẢO LAM	16/02/2004	Nữ	1	38.75	
6	100315	HÀ HUỖNH ÁNH NGÂN	09/12/2004	Nữ	1	36.5	
7	100330	NGUYỄN MAI ĐÔNG NGHI	07/10/2004	Nữ	1	37.5	
8	100389	TẶNG DUY PHÁT	09/03/2004	Nam	1	40.25	
9	100433	HUỖNH THỰC QUYÊN	11/10/2004	Nữ	1	39.25	
10	100853	PHẠM VŨ QUANG HÙNG	17/12/2004	Nam	1	39	
11	100985	HUỖNH NGHĨA LỢI	18/09/2004	Nam	1	37.25	
12	101014	LÝ GIA MẪN	10/03/2004	Nữ	1	37.75	
13	101174	LÊ HOÀNG PHI	26/02/2004	Nam	1	37.25	
14	101425	BÙI QUANG TRIỀU	14/01/2004	Nam	1	40.25	
15	101609	NGUYỄN LÊ HỒNG ANH	08/06/2004	Nữ	1	36.25	
16	101649	VÕ HƯƠNG QUỲNH ANH	21/10/2004	Nữ	1	36.75	
17	101674	NGUYỄN QUỐC BẢO	09/11/2004	Nam	1	36.25	
18	101680	TRẦN LÂM NAM BẢO	03/02/2004	Nam	1	37.75	
19	101820	HUỖNH MINH HIỀN	23/11/2004	Nam	1	40.5	
20	101861	ĐẶNG HUY	16/10/2004	Nam	1	38.75	
21	101919	TRẦN LÊ HỒNG KHANH	18/08/2004	Nữ	1	38	
22	101952	TRẦN MẠCH ĐĂNG KHOA	29/06/2004	Nam	1	41.25	
23	102026	TRẦN THÁI MỸ LINH	22/03/2004	Nữ	1	38.75	
24	102050	TRẦN CHÂU LONG	15/01/2004	Nam	1	36.25	
25	102144	BÙI DIỄM NGỌC	21/01/2004	Nữ	1	41	
26	102172	NGUYỄN KIM NGUYỄN	27/04/2004	Nữ	1	39	
27	102291	LÊ VIỆT KHÁNH QUÂN	25/01/2004	Nữ	1	39.5	
28	102335	VŨ THIÊN SƠN	28/01/2004	Nam	1	37	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
29	102420	NGUYỄN NGỌC MINH THU'	20/09/2004	Nữ	1	36.5	
30	102427	TRẦN MINH THU'	29/12/2004	Nữ	1	39.5	
31	102452	NGUYỄN ÂN TÍN	16/11/2004	Nam	1	41.25	
32	102580	PHẠM NHẬT LAN VY	09/04/2004	Nữ	1	37.25	
33	103256	BÙI ĐÌNH AN LỘC	17/10/2004	Nam	1	40.75	
34	104071	BÙI MINH NHẬT AN	08/01/2004	Nữ	1	37.75	
35	104085	TỔNG LÊ BÌNH AN	16/10/2004	Nữ	1	37.75	
36	104124	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	26/12/2004	Nữ	1	39.75	
37	104141	TĂNG KIM ANH	16/02/2004	Nữ	1	37.75	
38	104148	TRỊNH MINH ANH	26/01/2004	Nữ	1	40.5	
39	104149	TRỊNH NGỌC QUỲNH ANH	18/04/2004	Nữ	1	42.5	
40	104150	TRỊNH TUẤN ANH	15/03/2004	Nam	1	40	
41	104159	PHÙNG THỊ NGỌC ÁNH	13/03/2004	Nữ	1	39.25	
42	104172	NGUYỄN THẾ BẢO	26/12/2004	Nam	1	39.75	
43	104179	TRẦN QUỐC BẢO	12/07/2004	Nam	1	38.75	
44	104194	MAI XUÂN CẢNH	09/05/2004	Nam	1	41	
45	104199	LÊ NGỌC BẢO CHÂU	19/10/2004	Nữ	1	36.25	
46	104223	NGUYỄN NGỌC VI ĐAN	08/09/2004	Nữ	1	37.75	
47	104246	TRẦN THẾ ĐẠT	19/07/2004	Nam	1	40	
48	104277	NGUYỄN HOÀNG THUYỀN DƯƠNG	15/03/2004	Nữ	1	36.25	
49	104279	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	16/06/2004	Nam	1	43.25	
50	104294	TRẦN ĐÀO CHÂU DUY	01/12/2004	Nam	1	38.75	
51	104302	HỒ TRUNG THY GIANG	23/11/2004	Nữ	1	40.25	
52	104303	HOÀNG BẢO GIANG	10/07/2004	Nam	1	42.5	
53	104310	ĐỖ NGÂN HÀ	28/10/2004	Nữ	1	36.75	
54	104369	TRẦN TRỌNG HIẾU	25/02/2004	Nam	1	41.25	
55	104382	NGUYỄN TRẦN HUY HOÀNG	18/09/2004	Nam	1	37.5	
56	104411	NGUYỄN ĐĂNG QUỲNH HƯƠNG	28/08/2004	Nữ	1	39.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
57	104492	HUỲNH ANH KHOA	01/09/2004	Nam	1	36.25	
58	104532	NGUYỄN KIM THỤY KHUÊ	05/08/2004	Nữ	1	38	
59	104584	NGUYỄN TRẦN MỸ LINH	13/10/2004	Nữ	1	38.25	
60	104586	PHẠM TRANG LINH	22/02/2004	Nữ	1	39.75	
61	104592	VÕ LƯƠNG KHÁNH LINH	10/08/2004	Nữ	1	39.25	
62	104622	LÊ VÕ HOÀNG MAI	14/07/2004	Nữ	1	37.5	
63	104629	LUU GIA MÃN	06/12/2004	Nữ	1	39.75	
64	104644	LƯƠNG HOÀNG MINH	02/09/2004	Nam	1	37.75	
65	104651	NGUYỄN THẾ HOÀNG MINH	07/03/2004	Nam	1	38.5	
66	104661	VÕ CAO NHẬT MINH	13/05/2004	Nam	1	41.25	
67	104720	TRẦN NGỌC ĐÔNG NGHI	19/10/2004	Nữ	1	37.5	
68	104734	LÊ TRIỆU HỒNG NGỌC	04/03/2004	Nữ	1	39.25	
69	104737	NGUYỄN CHÂU NGỌC	25/12/2004	Nữ	1	37	
70	104760	NGUYỄN HÒA THANH NGUYỄN	11/06/2004	Nữ	1	39.75	
71	104762	NGUYỄN NHẬT NGUYỄN	05/03/2004	Nam	1	38	
72	104788	ĐẶNG PHƯƠNG NHI	21/07/2004	Nữ	1	41.25	
73	104801	NGUYỄN HOÀNG NHI	17/10/2004	Nữ	1	37.5	
74	104820	NGUYỄN TRẦN BẢO NHƯ	27/09/2004	Nữ	1	36.5	
75	104822	NGUYỄN TRÚC QUỲNH NHƯ	06/08/2004	Nữ	1	36.25	
76	104871	NGUYỄN HỮU PHÚC	12/07/2004	Nam	1	43.5	
77	104887	BẠCH UYÊN PHƯƠNG	15/07/2004	Nữ	1	36.5	
78	104892	HÀ TRÚC PHƯƠNG	29/12/2004	Nữ	1	37.5	
79	104895	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	23/12/2004	Nữ	1	36.75	
80	104899	NGÔ TRẦN QUỲNH PHƯƠNG	20/05/2004	Nữ	1	37.75	
81	104908	VÕ HOÀNG QUỲNH PHƯƠNG	15/10/2004	Nữ	1	39.5	
82	104918	MAI ANH QUÂN	11/07/2004	Nam	1	40.75	
83	104934	VƯƠNG BẢO QUYÊN	23/04/2004	Nữ	1	38	
84	104960	CHÂU MỸ TÂM	04/11/2004	Nữ	1	39.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
85	104996	TRIỆU KIM THÀNH	17/09/2004	Nam	1	41.25	
86	105010	LƯƠNG VĨNH THIỆU	27/06/2004	Nam	1	39.75	
87	105026	BÙI MINH THU	08/07/2004	Nữ	1	41.75	
88	105038	LÊ BẢO THU	10/07/2004	Nữ	1	39.75	
89	105047	PHẠM HOÀNG ANH THU	21/05/2004	Nữ	1	36.75	
90	105078	PHẠM NGỌC THY	01/08/2004	Nữ	1	42.25	
91	105083	VŨ HOÀNG ANH THY	13/01/2004	Nữ	1	37	
92	105121	LÊ BẢO TRÂN	06/02/2004	Nữ	1	43.75	
93	105141	LÊ THANH TRÍ	11/05/2004	Nam	1	37.75	
94	105144	NGUYỄN HỮU TRÍ	31/05/2004	Nam	1	38.5	
95	105161	VÕ LÊ HẠ TRÚC	03/10/2004	Nữ	1	40	
96	105183	PHÙNG ANH TUẤN	11/06/2004	Nam	1	40	
97	105204	ĐÌNH NGỌC MINH UYÊN	28/11/2004	Nữ	1	37.25	
98	105213	NGUYỄN NHÃ UYÊN	02/10/2004	Nữ	1	37.25	
99	105224	NGÔ LÊ HẢI VÂN	15/05/2004	Nữ	1	37.5	
100	105235	TRẦN THẢO PHƯƠNG VIÊN	06/11/2004	Nữ	1	37	
101	105273	TRẦN LÊ THANH VY	16/08/2004	Nữ	1	37	
102	105300	PHẠM GIA YẾN	06/08/2004	Nữ	1	37	
103	105440	ĐÌNH VŨ THIÊN ÂN	29/09/2004	Nam	1	42.75	
104	105465	HỒ QUẾ ANH	19/01/2004	Nữ	1	40.75	
105	105466	HOÀNG HẢI QUỲNH ANH	03/12/2004	Nữ	1	36.5	
106	105470	LÊ HOÀNG ANH	08/07/2004	Nữ	1	40.5	
107	105474	LÊ NGỌC MINH ANH	13/03/2004	Nữ	1	39.25	
108	105477	LÊ PHẠM NGỌC ANH	03/02/2004	Nữ	1	38.5	
109	105490	NGUYỄN PHAN QUỐC ANH	12/06/2004	Nam	1	43.25	
110	105509	QUÁCH BĂNG BĂNG	20/12/2004	Nữ	1	38.25	
111	105523	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC BẢO	19/04/2004	Nam	1	41	
112	105524	NINH VŨ THÁI BẢO	06/04/2004	Nam	1	37	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
113	105574	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	06/12/2004	Nam	1	39.5	
114	105584	NGUYỄN ĐỨC ĐỘ	06/03/2004	Nam	1	40.75	
115	105602	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG DUNG	05/11/2004	Nữ	1	40	
116	105650	TRẦN HOÀNG KHÁNH GIAO	26/03/2004	Nữ	1	38.25	
117	105659	NGUYỄN NGỌC THANH HÀ	30/01/2004	Nữ	1	36.75	
118	105694	BÙI TRẦN MINH HIẾU	12/01/2004	Nam	1	38.5	
119	105715	PHẠM ANH HÙNG	23/07/2004	Nam	1	41.5	
120	105764	PHẠM GA HY	25/06/2004	Nữ	1	36.25	
121	105765	TRẦN NGUYỄN GIA HY	24/03/2004	Nam	1	36.75	
122	105808	NGUYỄN VŨ AN KHÁNH	25/11/2004	Nữ	1	39.75	
123	105842	ĐỖ TRỌNG KHÔI	24/03/2004	Nam	1	38	
124	105847	LƯU HÀ MINH KHÔI	15/09/2004	Nam	1	42.5	
125	105858	ĐỖ TUẤN KIẾT	13/11/2004	Nam	1	39.5	
126	105883	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	25/07/2004	Nữ	1	38.5	
127	105884	ĐẶNG ĐỒNG LIỄU	19/01/2004	Nam	1	38.25	
128	105919	MAI THANH CHI MAI	08/09/2004	Nữ	1	38	
129	105925	LƯƠNG GIA MÃN	04/02/2004	Nữ	1	36.75	
130	105926	TÔ QUẾ MI	29/06/2004	Nữ	1	44	
131	105940	NGUYỄN HẢI MINH	07/05/2004	Nữ	1	36.5	
132	106014	NGUYỄN BẢO NGỌC	22/01/2004	Nữ	1	41.25	
133	106021	NGUYỄN TRẦN HỒNG NGỌC	11/09/2004	Nữ	1	38	
134	106059	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	21/04/2004	Nam	1	39	
135	106071	ĐOÀN NGUYỄN TUYẾT NHI	24/10/2004	Nữ	1	40.5	
136	106080	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NHI	31/07/2004	Nữ	1	37	
137	106176	TĂNG NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	13/01/2004	Nữ	1	40	
138	106212	NGUYỄN VŨ MAI QUỲNH	24/08/2004	Nữ	1	37.75	
139	106252	HÀNG QUỐC THẮNG	14/10/2004	Nam	1	37.25	
140	106255	HỒ HOÀNG ĐAN THANH	15/01/2004	Nữ	1	38	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
141	106270	NGUYỄN HOÀI THANH THẢO	25/04/2004	Nữ	1	39.25	
142	106287	NGUYỄN MINH THIÊN	17/06/2004	Nam	1	39.75	
143	106290	LÊ NGUYỄN PHÚ THIỆN	03/06/2004	Nam	1	38	
144	106292	HƯỚNG HUNG THỊNH	27/09/2004	Nam	1	44	
145	106371	NGUYỄN TRUNG TIẾN	10/01/2004	Nam	1	38.25	
146	106380	NGUYỄN NGỌC TRÂM	04/03/2004	Nữ	1	37.75	
147	106381	NGUYỄN PHAN BÍCH TRÂM	04/01/2004	Nữ	1	37.75	
148	106400	NGUYỄN TRẦN VÂN TRANG	28/06/2004	Nữ	1	36.5	
149	106430	NGUYỄN TRẦN MINH TÚ	07/05/2004	Nam	1	41	
150	106456	VŨ DẠ CÁT TƯỜNG	31/07/2004	Nữ	1	39.25	
151	106466	LÊ VÕ PHƯƠNG UYÊN	10/06/2004	Nữ	1	39.5	
152	106480	ĐẶNG NGỌC THÚY VÂN	10/05/2004	Nữ	1	40.5	
153	106501	NGUYỄN QUANG VINH	20/06/2004	Nam	1	37.75	
154	106520	NGUYỄN THÙY BẢO VY	03/10/2004	Nữ	1	38.25	
155	106522	PHẠM NGUYỄN ĐAN VY	21/07/2004	Nữ	1	39.25	
156	106524	TRẦN NGỌC YẾN VY	06/01/2004	Nữ	1	38.5	
157	106531	VŨ QUỲNH TRÚC VY	17/04/2004	Nữ	1	38.75	
158	106546	PHẠM THỊ HOÀNG YẾN	18/01/2004	Nữ	1	37.25	
159	107323	TRẦN THANH DANH	17/10/2004	Nam	1	38.5	
160	107381	VÕ NGỌC HÂN	28/12/2004	Nữ	1	37.5	
161	107386	NGUYỄN ANH VĨNH HẢO	10/05/2004	Nam	1	38.75	
162	107517	ĐOÀN MINH MÃN	16/09/2004	Nam	1	38	
163	107520	HUỲNH LƯU TUYẾT MINH	11/01/2004	Nữ	1	40.25	
164	107534	NGUYỄN NHẬT NAM	29/01/2004	Nam	1	37.5	
165	107551	NGUYỄN NGỌC NHÃ NGHI	02/03/2004	Nữ	1	36.5	
166	107560	ĐOÀN THỊ BÍCH NGỌC	15/01/2004	Nữ	1	38.5	
167	107607	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	22/03/2004	Nữ	1	36.25	
168	107742	NGUYỄN VĂN THUẬN	27/12/2004	Nam	1	43	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
169	107890	CHÂU NGỌC BẢO AN	17/10/2004	Nữ	1	36.25	
170	108016	LƯƠNG HOÀI BẢO CHÂU	22/10/2004	Nữ	1	37.5	
171	108207	NGUYỄN NHẬT GIA HIỀN	17/05/2004	Nam	1	38	
172	108496	PHAN HÀ MAI	16/02/2004	Nữ	1	37.25	
173	108520	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC MINH	30/05/2004	Nam	1	36.25	
174	108550	TRƯƠNG ĐOÀN HỒNG NGÀ	17/08/2004	Nữ	1	40.5	
175	108566	PHẠM NGUYỄN NGỌC NGÂN	04/06/2004	Nữ	1	38.5	
176	108618	NGUYỄN TRẦN NHẬT NGUYỄN	09/11/2004	Nam	1	36.75	
177	108631	HỒ THANH NHÀN	06/05/2004	Nữ	1	36.5	
178	108783	LƯU GIA PHƯƠNG	25/08/2004	Nữ	1	40.25	
179	108808	TRẦN ĐÌNH MINH QUÂN	25/10/2004	Nam	1	39	
180	109015	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH TIÊN	31/03/2004	Nữ	1	41.25	
181	109099	TRẦN KHÁNH TRÌNH	11/09/2004	Nam	1	37.25	
182	109196	BÙI THẾ VINH	19/01/2004	Nam	1	38	
183	109301	ĐOÀN DUY ANH	21/05/2004	Nam	1	41	
184	109414	TĂNG NHẬT ĐĂNG	28/10/2004	Nam	1	37	
185	109576	BÙI THỊ NGỌC HOA	16/10/2004	Nữ	1	37.25	
186	109752	ĐỖ NGUYỄN MINH KIẾT	17/07/2004	Nam	1	40.75	
187	109755	LÂM THẾ KIẾT	23/04/2004	Nam	1	36.25	
188	109834	PHẠM THÀNH LỘC	30/08/2004	Nam	1	38.25	
189	110338	TRẦN NHÃ THU	23/07/2004	Nữ	1	42	
190	110426	HUỲNH BỘI TRÍ	21/04/2004	Nam	1	38.75	
191	111571	HOÀNG VÕ THÙY TRANG	17/08/2004	Nữ	1	36.5	
192	111751	LÊ HÀ QUẾ ANH	18/01/2004	Nữ	1	38.75	
193	112316	NGUYỄN HÙNG LONG	30/11/2004	Nam	1	37	
194	112723	TRƯƠNG NGUYỄN NHẬT QUỲNH	14/10/2004	Nữ	1	36.5	
195	112988	LÂM ÁI TRÂN	18/02/2004	Nữ	1	38.25	
196	113237	NGUYỄN ĐẠI MINH ANH	30/05/2004	Nữ	1	36.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
197	113492	HÀ THỰC KHÁNH LINH	11/01/2004	Nữ	1	43	
198	113558	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	02/02/2004	Nữ	1	37.75	
199	113780	NGUYỄN HỒ BẢO THY	29/04/2004	Nữ	1	37.5	
200	113922	NGUYỄN THÙY ANH	07/11/2004	Nữ	1	37	
201	113999	TRẦN HOÀNG PHÚC DUYÊN	17/12/2004	Nữ	1	37.5	
202	114014	TRẦN GIA HÂN	14/10/2004	Nữ	1	37.25	
203	114144	TÔ BẢO NGÂN	28/06/2004	Nữ	1	36.75	
204	114271	LƯƠNG CHÍ TÂN	08/08/2004	Nam	1	36.25	
205	114352	NGUYỄN THU TRANG	13/02/2004	Nữ	1	37.75	
206	114406	QUÁCH TRẦN PHƯƠNG VY	24/10/2004	Nữ	1	36.75	
207	114443	PHẠM MINH ANH	14/05/2004	Nữ	1	36.75	
208	114506	PHẠM TRUNG ĐỨC	30/08/2004	Nam	1	39.5	
209	114707	ĐUỜNG YẾN MY	29/11/2004	Nữ	1	37.5	
210	115268	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHOA	06/12/2004	Nam	1	37.25	
211	116512	ĐINH ĐỖ XUÂN NHIÊN	11/12/2004	Nam	1	42	
212	116696	LÊ BẢO TRÂM	20/02/2004	Nữ	1	36.5	
213	116749	LÊ QUỐC KHẢI TƯỜNG	15/04/2004	Nam	1	40.25	
214	117047	TRANG THÀNH LỢI	13/09/2004	Nam	1	36.5	
215	121724	LÊ TRẦN BẢO ANH	14/07/2004	Nữ	1	41.5	
216	121799	LÊ HOÀNG DUY	16/07/2004	Nam	1	39.75	
217	121811	VÕ LỤC GIA	14/05/2004	Nam	1	42	
218	121824	ĐOÀN NGỌC KHÁNH HÂN	05/02/2004	Nữ	1	36.5	
219	121860	TRẦN NGHĨA HUY HÙNG	10/09/2004	Nam	1	36.5	
220	121867	HOÀNG THÁI HUY	14/09/2004	Nam	1	37.5	
221	121868	LÊ GIA HUY	12/03/2004	Nam	1	36.5	
222	121875	TRẦN NGỌC KHÁNH HUY	20/02/2004	Nam	1	36.75	
223	121888	PHẠM THIỆU KHANH	27/04/2004	Nữ	1	39.5	
224	121906	ĐẶNG MINH KHÔI	24/06/2004	Nam	1	40.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
225	121916	NGUYỄN THANH TUẤN KIẾT	10/09/2004	Nam	1	37.25	
226	121962	ĐẶNG ANH MINH	12/02/2004	Nam	1	40	
227	121984	ĐINH THIÊN MỸ	27/03/2004	Nữ	1	36.5	
228	122037	NGUYỄN MINH NHẬT	11/03/2004	Nam	1	42.75	
229	122094	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	05/04/2004	Nam	1	38.25	
230	122100	ĐẶNG NGỌC KIM PHỤNG	05/11/2004	Nữ	1	40.25	
231	122147	NGUYỄN PHAN ĐAN TÂM	23/09/2004	Nữ	1	40	
232	122165	DIỆP ĐAN THANH	15/01/2004	Nữ	1	39.75	
233	122251	GIANG LÊ BẢO TRÂN	28/06/2004	Nữ	1	38	
234	122265	HUỲNH NGỌC ANH TRIẾT	01/04/2004	Nam	1	37	
235	122309	NGUYỄN LÊ THẢO VI	14/05/2004	Nữ	1	38.5	
236	122320	NGUYỄN PHÚC THẢO VY	25/06/2004	Nữ	1	39.75	
237	122327	TRẦN THANH VY	24/05/2004	Nữ	1	38.25	
238	122417	NGUYỄN HUỲNH BẢO CHÂU	07/11/2004	Nữ	1	37.25	
239	122437	NGUYỄN KHÁNH ĐAN	07/07/2004	Nữ	1	40.25	
240	122448	NGUYỄN LUÂN TUẤN ĐẠT	21/07/2004	Nam	1	38.25	
241	122503	NGUYỄN NGỌC HỒNG HÀ	08/04/2004	Nữ	1	37.5	
242	122560	NGUYỄN THÚY HỒNG	07/02/2004	Nữ	1	42.25	
243	122640	ĐÀO PHƯƠNG KHANH	04/10/2004	Nữ	1	38.75	
244	122646	ĐÀO PHƯƠNG KHÁNH	04/10/2004	Nữ	1	41.5	
245	122797	NGUYỄN HẢI NAM	16/09/2004	Nam	1	39.25	
246	122810	NGUYỄN HỒNG NGÂN	13/04/2004	Nữ	1	38.75	
247	122824	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	11/07/2004	Nữ	1	37.5	
248	122913	HUỲNH NGỌC KHÁNH NHƯ	28/09/2004	Nữ	1	37.25	
249	123129	NGUYỄN THANH ANH THƯ	27/01/2004	Nữ	1	39.75	
250	123181	ĐINH VŨ BẢO TOÀN	06/07/2004	Nam	1	38.5	
251	123197	LÊ NGUYỄN BẢO TRÂN	04/09/2004	Nữ	1	38.75	
252	123212	LÊ VŨ MINH TRÍ	09/09/2004	Nam	1	40.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
253	123214	NGUYỄN HỮU TRÍ	11/07/2004	Nam	1	36.75	
254	123242	NGUYỄN MINH TÚ	06/09/2004	Nữ	1	40	
255	123387	PHẠM VŨ MINH ANH	07/06/2004	Nữ	1	36.5	
256	123649	NGUYỄN PHÚC DUY KHANG	17/09/2004	Nam	1	36.75	
257	124045	NGUYỄN NGÔ MINH QUÂN	01/05/2004	Nam	1	36.75	
258	124372	ÔNG KHÁNH VY	23/12/2004	Nữ	1	39.25	
259	124417	LÊ TÙNG BẢO ÂN	07/06/2004	Nam	1	37	
260	125248	TRẦN LÊ LAN THẢO	03/10/2004	Nữ	1	45.25	
261	132049	NGUYỄN VŨ NHẬT VY	09/01/2004	Nữ	1	42.5	
262	133079	TRẦN THỊ THANH TRÂM	05/09/2004	Nữ	1	36.75	
263	133427	TĂNG MỸ BÍCH	04/08/2004	Nữ	1	40	
264	138686	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	11/08/2004	Nam	1	38.75	
265	138780	LÊ GIA NGHI	27/08/2004	Nữ	1	42.75	
266	138793	NGUYỄN HƯƠNG NGUYỄN	06/10/2004	Nữ	1	36.25	
267	139046	NGUYỄN NAM AN	01/05/2004	Nữ	1	40	
268	139050	TRẦN THANH AN	22/02/2004	Nữ	1	41.5	
269	139062	ĐINH GIA HỘI ANH	20/01/2004	Nữ	1	38.75	
270	139067	LÂM KIM ANH	09/02/2004	Nữ	1	40.25	
271	139141	QUÁCH NGỌC BẢO	24/02/2004	Nam	1	39.25	
272	139157	VŨ TRẦN UYÊN CHI	24/02/2004	Nữ	1	40	
273	139253	LÊ QUANG HUY	24/06/2004	Nam	1	37.75	
274	139313	NGUYỄN TRẦN MINH KHOA	11/10/2004	Nam	1	39.5	
275	139319	ĐINH ĐĂNG KHÔI	27/10/2004	Nam	1	43.75	
276	139445	TỔNG MINH NGHI	06/07/2004	Nữ	1	36.5	
277	139449	PHAN QUỐC NGHĨA	22/03/2004	Nam	1	39.75	
278	139553	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	11/02/2004	Nữ	1	36.75	
279	139694	TRẦN NHẬT LAM THỦY	04/02/2004	Nữ	1	39.75	
280	139726	VIÊN NGỌC BẢO TRÂM	19/01/2004	Nữ	1	39	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
281	139799	NGUYỄN TRẦN MINH TUYẾT	29/05/2004	Nữ	1	37.5	
282	140383	NGUYỄN TRẦN YẾN NHI	16/08/2004	Nữ	1	38	
283	141465	PHAN KHÔI NGUYỄN	12/01/2004	Nam	1	40.5	
284	141887	NGŨ KHÁNH TRINH	31/01/2004	Nữ	1	41	
285	142324	TRẦN THỊ THU HUYỀN	08/03/2004	Nữ	1	39	
286	142374	NGUYỄN ANH KHÔI	20/12/2004	Nam	1	36.25	
287	142464	ĐỖ NGỌC KIỀU MINH	23/06/2004	Nữ	1	37.75	
288	142533	ĐẶNG NGỌC THẢO NGUYỄN	10/09/2004	Nữ	1	36.5	
289	142584	LÊ NGỌC BẢO NHƯ	16/09/2004	Nữ	1	40	
290	142784	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	02/02/2004	Nữ	1	37	
291	142873	PHẠM NGUYỄN LAM TRÚC	02/12/2004	Nữ	1	41.75	
292	163553	NGUYỄN THỊ HOA LOAN	06/05/2004	Nữ	1	36.25	
293	163754	PHẠM PHƯỚC SANG	29/09/2004	Nam	1	40.25	
294	166751	NGUYỄN NGỌC MAI PHƯƠNG	07/11/2004	Nữ	1	37.75	
295	167137	TRẦN LÊ NHẬT VIỄN	26/05/2004	Nam	1	40.75	
296	171489	DƯƠNG QUỐC BẢO	06/01/2004	Nam	1	37	
297	90009	TRẦN LÊ THANH AN	02/07/2004	Nữ	1	38.5	
298	90014	LÊ THIÊN ÂN	11/06/2004	Nam	1	38.25	
299	90031	LÊ HOÀNG MINH ANH	02/01/2004	Nữ	1	41	
300	90032	LÊ LOAN ANH	24/12/2004	Nữ	1	37	
301	90042	NGÔ QUỐC ANH	01/06/2004	Nam	1	36.5	
302	90071	THÁI NGỌC QUỲNH ANH	07/08/2004	Nữ	1	39.25	
303	90091	NGUYỄN HOÀNG BẢO	24/12/2004	Nam	1	38	
304	90098	ONG GIA BỘI	24/03/2004	Nữ	1	38.25	
305	90155	HOÀNG ANH DUY	28/01/2004	Nam	1	38.5	
306	90164	THÂN TRỌNG DUY	09/01/2004	Nam	1	40	
307	90167	VÕ VŨ KHANG DUY	30/07/2004	Nam	1	36.75	
308	90211	VƯƠNG CHÍ HÀO	30/08/2004	Nam	1	36.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
309	90213	NGUYỄN THÚY HIỀN	11/04/2004	Nữ	1	37.75	
310	90216	DƯƠNG VÕ TRỌNG HIẾU	24/01/2004	Nam	1	36.5	
311	90269	TRẦN MINH HUY	26/08/2004	Nam	1	39	
312	90280	BÙI NGUYỄN KHANG	19/12/2004	Nam	1	37.25	
313	90282	ĐẶNG NGUYỄN KHANG	04/03/2004	Nam	1	38.5	
314	90294	TRIỆU TẤN MÃN KHANG	10/10/2004	Nam	1	37	
315	90297	TỪ PHAN MINH KHANG	09/12/2004	Nam	1	36.5	
316	90312	NGHIÊM HÀN XUÂN KHÁNH	12/01/2004	Nữ	1	38.75	
317	90316	TRẦN ĐỖ VIỆT KHÁNH	06/09/2004	Nữ	1	40.25	
318	90318	TRẦN NGỌC MINH KHÁNH	26/03/2004	Nữ	1	39.5	
319	90321	LÊ TRẦN THỤY KHÊ	14/11/2004	Nữ	1	41	
320	90342	ĐỖ ĐĂNG KHÔI	25/10/2004	Nam	1	37.75	
321	90343	DƯ THUY MAI KHÔI	24/03/2004	Nữ	1	39.25	
322	90355	HUỲNH NHẬT KHÔI	25/03/2004	Nam	1	38	
323	90360	HỒ THUY SƠN KHUÊ	23/07/2004	Nữ	1	39	
324	90366	PHÓ NGỌC SONG KHUÊ	04/06/2004	Nữ	1	39.25	
325	90382	LÊ ĐẮC DANH LAM	25/11/2004	Nam	1	38.75	
326	90388	TRẦN YẾN LAN	26/01/2004	Nữ	1	37.25	
327	90391	CHÂU LÂM TÚ LINH	19/09/2004	Nữ	1	39	
328	90394	LÊ PHẠM KHÁNH LINH	23/06/2004	Nữ	1	40.25	
329	90397	NGUYỄN BẢO LINH	04/07/2004	Nữ	1	38.75	
330	90413	TRƯƠNG KHÁNH LINH	03/10/2004	Nữ	1	42.25	
331	90435	TRẦN THANH HUỲNH MAI	17/12/2004	Nữ	1	40.5	
332	90448	HỒ BẢO MINH	17/01/2004	Nam	1	39.75	
333	90454	NGÔ KHÁNH MINH	18/03/2004	Nam	1	39.75	
334	90459	NGUYỄN LÂM NHẬT MINH	27/10/2004	Nam	1	37.75	
335	90489	HỒ HIẾU NGÂN	14/11/2004	Nữ	1	39.75	
336	90503	VÕ NGỌC KIM NGÂN	14/09/2004	Nữ	1	37.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
337	90506	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG NGHI	10/08/2004	Nữ	1	38.25	
338	90507	GIÁP XUÂN NGHI	03/03/2004	Nữ	1	41.5	
339	90510	NGÔ LÊ THẢO NGHI	01/12/2004	Nữ	1	42.25	
340	90511	NGUYỄN HOÀNG NGHI	24/08/2004	Nữ	1	40.25	
341	90517	PHẠM ĐỨC NGHI	12/04/2004	Nam	1	38.75	
342	90539	SIÊU MỸ NGỌC	19/06/2004	Nữ	1	37.5	
343	90541	TRẦN BẢO NGỌC	09/04/2004	Nữ	1	39.25	
344	90547	HÀ VĨNH NGUYỄN	24/02/2004	Nam	1	37.75	
345	90559	PHAN HỒNG THẢO NGUYỄN	07/05/2004	Nữ	1	36.75	
346	90565	PHAN THỊ THANH NHÃ	21/10/2004	Nữ	1	39	
347	90584	NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG NHI	25/04/2004	Nữ	1	39.25	
348	90588	NGUYỄN QUÝ TUỆ NHI	13/07/2004	Nữ	1	39.75	
349	90592	PHẠM NGÂN NHI	16/01/2004	Nữ	1	41.25	
350	90601	ĐẶNG QUỲNH NHƯ	14/11/2004	Nữ	1	37.25	
351	90607	PHẠM LÊ QUỲNH NHƯ	03/11/2004	Nữ	1	41	
352	90615	LÊ TẤN PHÁT	06/02/2004	Nam	1	39	
353	90623	HOÀNG PHÚC	07/08/2004	Nam	1	38	
354	90630	NGUYỄN ĐỨC KIM PHỤNG	18/05/2004	Nữ	1	39	
355	90636	LÂM YẾN PHƯƠNG	09/05/2004	Nữ	1	40.75	
356	90645	PHẠM BÍCH PHƯƠNG	05/04/2004	Nữ	1	37.25	
357	90649	TRẦN ĐẶNG YẾN PHƯƠNG	08/12/2004	Nữ	1	41.25	
358	90663	TRẦN ANH QUÂN	15/12/2004	Nam	1	40.75	
359	90666	TRẦN MINH QUÂN	20/05/2004	Nam	1	39.25	
360	90675	LÊ MAI NGỌC QUYÊN	25/01/2004	Nữ	1	39.75	
361	90713	HỒ NGỌC THẠCH	18/08/2004	Nam	1	38.75	
362	90724	LÊ DŨNG THÀNH	10/04/2004	Nam	1	41.5	
363	90725	LÊ MINH THÀNH	11/11/2004	Nam	1	39.75	
364	90738	THẠCH MINH THẢO	07/06/2004	Nữ	1	38	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
365	90755	ĐẶNG ANH THU	13/01/2004	Nữ	1	41.25	
366	90787	NGUYỄN BẢO THY	11/06/2004	Nữ	1	41.5	
367	90806	BỒ LÊ QUỲNH TRÂM	03/06/2004	Nữ	1	37.5	
368	90823	NGUYỄN NGỌC THỦY TRANG	07/03/2004	Nữ	1	39.5	
369	90836	TRẦN TUYỀN TRIỆU	04/11/2004	Nam	1	39	
370	90837	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	24/04/2004	Nữ	1	42.75	
371	90838	ĐÀO QUỐC TRỌNG	12/11/2004	Nam	1	39.5	
372	90843	NGUYỄN THANH TRÚC	22/09/2004	Nữ	1	39.25	
373	90845	NGUYỄN THỦY TRÚC	08/01/2004	Nữ	1	37.5	
374	90865	TRẦN NGUYỄN CÁT TƯỜNG	23/02/2004	Nữ	1	40.75	
375	90896	LÂM PHƯƠNG VY	17/02/2004	Nữ	1	38.75	
376	90901	NGÔ CAO PHƯƠNG VY	20/04/2004	Nữ	1	42.25	
377	90909	NGUYỄN THỊ HUYỀN VY	12/03/2004	Nữ	1	38.5	
378	90958	NGUYỄN LINH ĐAN	08/05/2004	Nữ	1	37.25	
379	90961	NGUYỄN QUỐC CHÍ ĐÌNH	01/04/2004	Nam	1	38.5	
380	9099	NGUYỄN LÊ HOÀNG THIÊN	10/06/2004	Nam	1	40.5	
381	90993	KIỀU MINH HÙNG	16/11/2004	Nam	1	39.25	
382	91002	VÕ LÊ ĐỨC HUY	02/01/2004	Nam	1	38.25	
383	91046	LƯƠNG NGUYỄN ĐỨC MINH	26/02/2004	Nam	1	39	
384	91050	TRẦN NGUYỄN NHẬT MINH	03/11/2004	Nam	1	36.5	
385	91063	ĐÌNH TRẦN NHƯ NGỌC	10/01/2004	Nữ	1	38.75	
386	91080	HÀ THẢO NHIÊN	07/05/2004	Nữ	1	37.5	
387	91101	NGUYỄN HỮU QUANG	14/08/2004	Nam	1	41	
388	91103	PHẠM NHẬT QUANG	20/09/2004	Nam	1	41.25	
389	91118	LONG ĐIỀN THẮNG	31/08/2004	Nam	1	38.25	
390	91141	TRẦN NGỌC BẢO THY	16/03/2004	Nữ	1	37.75	
391	91148	PHẠM BẢO TRÂN	03/11/2004	Nữ	1	40.75	
392	91151	NGUYỄN LÊ KIỀU TRANG	26/03/2004	Nữ	1	37.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
393	91216	NGUYỄN NGỌC DUY	18/06/2004	Nam	1	40	
394	91235	NGUYỄN NGỌC HUÂN	29/07/2004	Nam	1	40.75	
395	91278	VŨ NHẬT MINH	31/01/2004	Nam	1	38.25	
396	91283	TRẦN KHÁNH NGÂN	22/02/2004	Nữ	1	37.5	
397	91322	NGUYỄN LÊ XUÂN THỊNH	07/01/2004	Nam	1	38	
398	91338	ĐỖ HỮU TRÍ	01/09/2004	Nam	1	39.75	
399	91345	PHAN KHÁNH TRÌNH	28/09/2004	Nam	1	37.25	
400	91362	DƯƠNG THẾ ĐẠT	07/09/2004	Nam	1	39.5	
401	91408	PHẠM MINH ANH	19/10/2004	Nữ	1	38.25	
402	91430	VŨ ĐÌNH MAI HÂN	25/04/2004	Nữ	1	40.25	
403	91440	NGUYỄN VÕ HOÀNG KHANG	03/05/2004	Nam	1	39.25	
404	91442	NGÔ GIA KHÁNH	10/02/2004	Nữ	1	42	
405	91443	NGUYỄN HOÀNG KIM KHÁNH	07/12/2004	Nữ	1	36.75	
406	91449	TRẦN THIÊN KIM	15/11/2004	Nữ	1	38.5	
407	91477	LÊ NGỌC YẾN NHI	16/11/2004	Nữ	1	40.75	
408	91478	NGUYỄN NGỌC UYÊN NHI	04/03/2004	Nữ	1	41.5	
409	91482	VÕ YẾN NHI	13/09/2004	Nữ	1	39	
410	91491	TRẦN NGỌC QUỲNH	09/01/2004	Nữ	1	39	
411	91496	QUANG LAN THANH	03/12/2004	Nữ	1	38	
412	91498	ĐẶNG BÁ THÀNH	05/09/2004	Nam	1	38	
413	91501	TRẦN MAI THI	18/03/2004	Nữ	1	40.25	
414	91511	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂN	12/12/2004	Nữ	1	36.5	
415	91512	PHAN THANH XUÂN TRANG	02/01/2004	Nữ	1	38.25	
416	91528	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN ANH	23/08/2004	Nam	1	41	
417	91549	TRẦN XUYẾN CHI	18/07/2004	Nữ	1	41.75	
418	91555	VĂN NGUYỄN LINH ĐAN	28/01/2004	Nữ	1	38	
419	91573	NGUYỄN TRẦN HỮU ĐỨC	18/10/2004	Nam	1	43.75	
420	91590	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	17/03/2004	Nữ	1	40.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
421	91591	PHẠM THÙY DUYÊN	19/08/2004	Nữ	1	39	
422	91594	NGUYỄN VÕ HÀ GIANG	25/11/2004	Nữ	1	37	
423	91620	NGUYỄN QUANG HÙNG	16/03/2004	Nam	1	41	
424	91643	NGUYỄN TRÍ KHANG	20/09/2004	Nam	1	42	
425	91648	ĐOÀN MINH KHANH	25/11/2004	Nữ	1	40.25	
426	91672	TRẦN LÊ AN KIÊN	04/03/2004	Nam	1	40.5	
427	9168	TRƯƠNG NGỌC TUYẾT VÂN	10/01/2004	Nữ	1	37	
428	91682	DƯ NGỌC LINH	03/12/2004	Nữ	1	41	
429	91704	NGUYỄN ANH MINH	28/08/2004	Nam	1	36.25	
430	91712	TRẦN TIẾN MINH	04/09/2004	Nam	1	41.75	
431	91740	PHẠM NGUYỄN MINH NGUYỆT	28/09/2004	Nữ	1	43	
432	91742	NGUYỄN THÀNH NHÂN	01/06/2004	Nam	1	41.75	
433	91746	NGUYỄN ĐÌNH MINH NHẬT	14/09/2004	Nam	1	40.5	
434	91774	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	04/09/2004	Nữ	1	41	
435	91803	TẮT HUY THÀNH	15/11/2004	Nam	1	38.75	
436	91806	PHẠM THANH THẢO	25/12/2004	Nữ	1	40.25	
437	91812	CAO TIẾN THỊNH	26/03/2004	Nam	1	36.75	
438	91816	LÊ BÁ THỌ	06/03/2004	Nam	1	43.25	
439	91820	LÊ MINH THỐNG	22/11/2004	Nam	1	38	
440	91822	NGUYỄN VŨ ĐẠI THỐNG	16/02/2004	Nam	1	39.25	
441	91829	PHẠM HOÀNG MINH THU	10/07/2004	Nữ	1	40.5	
442	91879	TẠ TẤN VƯƠNG	17/08/2004	Nam	1	39	
443	91893	LÊ NGUYỄN NHẬT AN	14/01/2004	Nữ	1	41.25	
444	91901	CHUNG BỘI ANH	29/03/2004	Nữ	1	39.75	
445	91902	ĐÌNH THỊ HỒNG ANH	28/07/2004	Nữ	1	39	
446	91913	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	15/04/2004	Nữ	1	40.5	
447	91922	HUỲNH QUÁCH MINH CHÂU	24/07/2004	Nữ	1	39.75	
448	91923	LÊ PHAN HỒNG CHÂU	09/03/2004	Nữ	1	40	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
449	91928	NGUYỄN NGỌC LINH ĐAN	06/03/2004	Nữ	1	37	
450	91931	TRẦN ĐỖ THÀNH DANH	12/03/2004	Nam	1	37.75	
451	91936	HUỲNH NHẤT KHÁNH ĐOAN	02/04/2004	Nữ	1	36.5	
452	91970	LÊ THỊ XUÂN HIỀN	07/12/2004	Nữ	1	39.25	
453	91972	NGUYỄN HOÀI MINH HOA	15/05/2004	Nữ	1	38.25	
454	91980	HỒ MINH NHẬT HUY	30/09/2004	Nam	1	37	
455	91990	LÊ DUY KHOA	18/05/2004	Nam	1	37.75	
456	92001	ĐẶNG GIA LINH	10/06/2004	Nữ	1	38	
457	92011	PHẠM LÊ TƯỜNG LINH	11/01/2004	Nữ	1	36.25	
458	92016	LƯU KIM LỢI	20/03/2004	Nữ	1	37.75	
459	92021	LÊ NHẬT MINH	28/10/2004	Nam	1	37.5	
460	92048	THIỆU XUÂN NGHI	15/08/2004	Nữ	1	36.75	
461	92056	HUỲNH LÊ THIÊN NGỌC	13/01/2004	Nữ	1	40	
462	92079	ĐINH NGỌC DUY NHIÊN	16/04/2004	Nữ	1	38	
463	92102	NGUYỄN THU PHƯƠNG	29/04/2004	Nữ	1	38	
464	92104	TRẦN CÁT PHƯƠNG	08/12/2004	Nữ	1	38.5	
465	92106	NGUYỄN ĐĂNG ANH QUÂN	04/06/2004	Nam	1	37.5	
466	92109	PHAN HỮU KHÁNH QUÂN	14/09/2004	Nữ	1	39.5	
467	92148	NGUYỄN TRẦN THỦY TIÊN	29/03/2004	Nữ	1	39.5	
468	92194	NGUYỄN PHAN THÚY VY	06/07/2004	Nữ	1	38	
469	92215	LÊ NGUYỄN QUỐC AN	04/04/2004	Nam	1	41.25	
470	92254	HOÀNG THẢO ANH	10/08/2004	Nữ	1	38.25	
471	92266	NGUYỄN LÊ MINH ANH	31/05/2004	Nữ	1	38	
472	92267	NGUYỄN MINH ANH	08/06/2004	Nữ	1	37.5	
473	92270	NGUYỄN PHÚC MINH ANH	27/11/2004	Nữ	1	37.5	
474	92274	NGUYỄN THỊ LAN ANH	08/12/2004	Nữ	1	39.75	
475	92284	PHẠM NGỌC HUỲNH ANH	23/03/2004	Nữ	1	41.75	
476	92290	TRẦN HƯƠNG ANH	28/09/2004	Nữ	1	37.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
477	92311	NGÔ QUỐC BẢO	12/02/2004	Nam	1	40.25	
478	92320	PHAN THỊ NGỌC BÍCH	22/05/2004	Nữ	1	41.5	
479	92326	TỪ NGỌC BÌNH	04/09/2004	Nữ	1	38.5	
480	92359	HOÀNG NGỌC KHÁNH ĐAN	15/12/2004	Nữ	1	41.25	
481	92395	NGÔ HUY CẦN DU	17/07/2004	Nam	1	36.5	
482	92406	HUỲNH THÁI DƯƠNG	30/08/2004	Nam	1	40	
483	92414	PHẠM PHÚ DUY	01/04/2004	Nam	1	38.5	
484	92417	VŨ XUÂN DUY	27/04/2004	Nam	1	39.5	
485	92428	NGUYỄN NGỌC HÀ	31/05/2004	Nữ	1	37.5	
486	92442	LÊ NGỌC GIA HÂN	14/02/2004	Nữ	1	38	
487	92466	PHẠM MẠNH HÀO	11/06/2004	Nam	1	39.25	
488	92522	BÙI NGUYỄN KHA	11/02/2004	Nam	1	43.25	
489	92531	TỔNG NGUYỄN KHANG	22/07/2004	Nam	1	41	
490	92557	NGUYỄN HỮU ĐĂNG KHOA	24/06/2004	Nam	1	36.5	
491	92561	THÂN TRỌNG ANH KHOA	10/07/2004	Nam	1	40	
492	92572	NGUYỄN MINH KHÔI	10/02/2004	Nam	1	42.25	
493	92599	BẠCH THÁI LÂM	14/05/2004	Nam	1	40.5	
494	92656	DIỆP ANH MINH	09/02/2004	Nam	1	37.75	
495	92693	BÙI PHƯƠNG NGHI	19/09/2004	Nữ	1	43.25	
496	92712	ĐOÀN PHÚC NGHĨA	28/04/2004	Nam	1	39.25	
497	92731	VŨ NGUYỄN BẢO NGỌC	10/05/2004	Nữ	1	38	
498	92790	HỒ TRẦN YẾN PHI	03/10/2004	Nữ	1	39.75	
499	92796	TRỊ NGUYỄN MINH PHÚ	09/05/2004	Nam	1	39.5	
500	92820	NGUYỄN HOÀNG MINH PHƯƠNG	05/04/2004	Nữ	1	37	
501	92842	TRẦN LÊ ANH QUÂN	09/10/2004	Nam	1	36.5	
502	92843	TRƯƠNG MINH QUÂN	09/07/2004	Nam	1	40.25	
503	92855	NGUYỄN TRÚC QUỲNH	15/10/2004	Nữ	1	36.25	
504	92881	NGUYỄN HỮU THÀNH	26/08/2004	Nam	1	37.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
505	92909	NGUYỄN NGỌC THƠ	05/05/2004	Nữ	1	38.75	
506	92925	NGUYỄN HOÀNG MINH THU'	09/04/2004	Nữ	1	37	
507	92929	PHẠM NGỌC MINH THU'	22/10/2004	Nữ	1	38.5	
508	92951	LƯƠNG NGỌC TIỀN	16/04/2004	Nữ	1	42.5	
509	92961	CHUNG BÙI TRÍ TÍN	26/11/2004	Nam	1	36.25	
510	92974	CÔNG THỤY KHÁNH TRANG	28/05/2004	Nữ	1	40.25	
511	92977	PHẠM HÀ THANH TRANG	25/06/2004	Nữ	1	36.75	
512	92978	TRẦN NGUYỄN ĐOAN TRANG	12/01/2004	Nữ	1	38	
513	93009	ĐẶNG MẠCH TUỆ	11/02/2004	Nữ	1	42	
514	93012	PHẠM NGỌC CÁT TƯỜNG	11/05/2004	Nữ	1	37.25	
515	93016	ĐINH TRẦN THẢO UYÊN	03/06/2004	Nữ	1	36.25	
516	93029	LÊ THANH VÂN	25/12/2004	Nữ	1	40.75	
517	93042	TRINH XUÂN ANH VŨ	25/01/2004	Nam	1	37.25	
518	93062	PHẠM CAO ĐAN VY	13/04/2004	Nữ	1	37.5	
519	93073	BÙI HỒNG HẢI YẾN	06/02/2004	Nữ	1	36.25	
520	93152	HOÀNG MINH HIỀN	01/01/2004	Nam	1	36.5	
521	93160	HÀ THANH HOÀNG	08/07/2004	Nam	1	36.25	
522	93252	NGUYỄN HẢI UYÊN NHI	02/09/2004	Nữ	1	40	
523	93265	LƯU HOÀNG PHÚC	23/09/2004	Nam	1	36.5	
524	93320	NGUYỄN THIỆN TÔN	17/03/2004	Nam	1	36.5	
525	93405	TRẦN DUY HÙNG	07/02/2004	Nam	1	37	
526	93414	LÊ MINH HUYỀN	15/01/2004	Nữ	1	38.75	
527	93418	NGUYỄN GIA KHÁNH	18/07/2004	Nam	1	37.25	
528	93432	CHIÊM HOÀNG LONG	04/07/2004	Nam	1	36.75	
529	93452	DƯƠNG TRUNG NGHĨA	24/09/2004	Nam	1	37.25	
530	93480	ĐÀO NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG	27/06/2004	Nữ	1	39.25	
531	93515	HUỲNH MINH TRIẾT	17/01/2004	Nam	1	40.5	
532	93520	TRẦN ĐOÀN MINH TÚ	30/01/2004	Nam	1	39	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
533	93522	NGÔ MAI PHƯƠNG UYÊN	18/07/2004	Nữ	1	37.75	
534	93529	VÕ TÁ PHI VŨ	18/01/2004	Nam	1	38.5	
535	93550	LÊ NGUYỄN MINH AN	22/11/2004	Nữ	1	40	
536	93551	NGUYỄN THỊ KIM AN	30/01/2004	Nữ	1	38	
537	93559	QUÁCH GIA BẢO	13/01/2004	Nam	1	40	
538	93600	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	22/09/2004	Nữ	1	39.5	
539	93686	NGUYỄN TUẤN ANH	13/02/2004	Nam	1	41.75	
540	93706	VÕ HOÀNG GIA BẢO	04/01/2004	Nam	1	39	
541	93779	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	11/01/2004	Nam	1	37.75	
542	93786	ĐINH THANH HÙNG	01/01/2004	Nam	1	41.25	
543	93787	KHUU QUỐC HÙNG	05/02/2004	Nam	1	41.25	
544	93798	LÂM NHẬT HUY	06/02/2004	Nam	1	41	
545	93802	TRẦN HÙNG MINH HUY	15/11/2004	Nam	1	37.25	
546	93814	NGUYỄN DUY KHANG	09/09/2004	Nam	2	37.25	
547	93941	LÝ MẶN NHI	12/11/2004	Nữ	1	38.75	
548	93948	TẮT NGỌC OANH	13/05/2004	Nữ	1	37.75	
549	93969	VŨ HOÀNG PHÚC	28/02/2004	Nam	1	42.25	
550	93978	TRẦN THỊ NHƯ PHƯƠNG	23/03/2004	Nữ	1	40	
551	94010	ĐINH TÔ QUỐC THẮNG	11/06/2004	Nam	1	41.75	
552	94013	NGUYỄN TRẦN MAI THANH	20/02/2004	Nữ	1	43.75	
553	94017	NGUYỄN HỮU THÀNH	19/04/2004	Nam	1	38	
554	94028	ĐINH TRỌNG THIÊN	07/02/2004	Nam	1	38.25	
555	94059	NGUYỄN HÀ THÙY TRANG	09/06/2004	Nữ	1	36.75	
556	94086	LÊ HOÀNG UYÊN	29/12/2004	Nữ	1	39.5	
557	94105	TRẦN LÂM VŨ	28/02/2004	Nam	1	40	
558	94107	ĐOÀN LÊ VY	28/06/2004	Nữ	1	40.5	
559	94109	HUỲNH NGỌC TRÚC VY	07/04/2004	Nữ	1	37.75	
560	94125	DƯƠNG THỤY HỒNG ÂN	02/01/2004	Nữ	1	37	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
561	94144	LIÊN KIM ANH	24/09/2004	Nữ	1	37.75	
562	94223	TRẦN THÁI GIA HÂN	12/08/2004	Nữ	1	39	
563	94234	ĐOÀN ĐỨC HUY	17/05/2004	Nam	1	37.25	
564	94237	LIÊU THỌ KHANG	06/05/2004	Nam	1	37.5	
565	94342	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NHƯ	24/10/2004	Nữ	1	37.25	
566	94358	HỒ MINH PHƯƠNG	09/09/2004	Nữ	1	38.75	
567	94362	NGUYỄN NAM PHƯƠNG	22/11/2004	Nữ	1	36.25	
568	94386	TÓNG HOÀNG THANH TÂM	21/12/2004	Nữ	1	39.75	
569	94408	PHẠM MINH THU	06/03/2004	Nữ	1	38	
570	94476	ĐỖ NGỌC THÙY VÂN	03/12/2004	Nữ	1	36.5	
571	94522	VÕ CAO BÁCH	11/07/2004	Nam	1	36.25	
572	94535	NGUYỄN YÊN ĐAN	22/10/2004	Nữ	1	39	
573	94588	HUỲNH BỬU KHANG	01/05/2004	Nam	1	39	
574	94660	ĐẶNG THỤY UYÊN NHI	16/04/2004	Nữ	1	43.75	
575	94712	CAO MỸ TÂM	09/06/2004	Nữ	1	37	
576	94758	LƯU NGUYỄN BẢO TRÂN	24/12/2004	Nữ	1	36.5	
577	94798	NGUYỄN KHÁNH MINH ANH	27/01/2004	Nữ	1	38.75	
578	94825	TỪ NGUYỄN KHÁNH LINH	29/11/2004	Nữ	1	38.75	
579	94840	TRƯƠNG HUỲNH THẢO NGUYỄN	20/12/2004	Nữ	1	41.5	
580	94897	GIANG LỆ ÂN	25/03/2004	Nữ	1	38.25	
581	94920	TRẦN CẨM HÒA	01/11/2004	Nam	1	39.25	
582	94937	NGUYỄN QUANG MINH	11/07/2004	Nam	1	41.5	
583	94949	NGUYỄN HỮU PHÚC	11/06/2004	Nam	1	37.75	
584	94980	HÀU THANH VÂN	07/06/2004	Nữ	1	37.25	
585	95085	LÊ KHẮC MINH KHANG	06/04/2004	Nam	1	37	
586	95106	ĐÀO TẤN THÙY LINH	27/01/2004	Nữ	1	42	
587	95116	NGUYỄN HẢI MINH	15/06/2004	Nam	1	37.5	
588	95253	NGUYỄN HOÀNG AN NHIÊN	11/06/2004	Nữ	1	38.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
-----	-----	-----------	-----------	--------------	-------------------	-----------	---------